

VĂN BẢN HỢP NHẤT
Số: /2026/VBHN-NĐ-BYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội

Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế¹,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; mức trợ cấp hưu trí xã hội; trình tự thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội; hỗ trợ chi phí mai táng; kinh phí và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội.

¹ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13;

Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội.”.

Điều 2. Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau:

1. Công dân Việt Nam được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Từ đủ 75 tuổi trở lên;

b) Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định tại Nghị định này;

c) Có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 3. Mức trợ cấp hưu trí xã hội

1.² Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng mức 540.000 đồng/tháng.

Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này đồng thời thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng thì được hưởng chế độ trợ cấp cao hơn.

2. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ thêm cho người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội³

1. Đối tượng, người giám hộ của đối tượng có Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại bất kỳ Bộ phận Một cửa.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú tổ chức thực hiện xác thực thông tin liên quan của đối tượng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung; thẩm định, quyết định trợ cấp hưu trí xã hội. Thời gian hưởng trợ cấp hưu trí xã hội kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định. Tổ chức thực hiện chi trả chế độ, chính sách cho đối tượng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng chế độ, chính sách thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

3. Trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thay đổi nơi cư trú và đề nghị nhận chế độ chính sách ở nơi cư trú mới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cũ quyết định thôi chi trả chế độ, chính sách tại địa bàn và có văn bản gửi kèm theo hồ sơ của đối tượng đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới của đối tượng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới căn cứ hồ sơ của đối tượng quyết định trợ cấp hưu trí xã hội theo mức tương ứng áp dụng tại địa bàn từ tháng thôi chi trả tại nơi cư trú cũ.

4. Trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội bị chết, không còn đủ điều kiện hưởng hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 2 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Thời gian thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ tháng sau liền kề tháng đối tượng chết hoặc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

Điều 5. Hỗ trợ chi phí mai táng⁴

1. Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hoặc người đã có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, đủ điều kiện hưởng nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chưa ban hành quyết định hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi chết thì được hỗ trợ chi phí mai táng tối thiểu bằng 20 lần mức trợ cấp hưu trí xã hội quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ chi phí mai táng, mai táng phí quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

3. Thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng

a) Tổ chức, cá nhân lo mai táng cho đối tượng có Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại bất kỳ Bộ phận Một cửa. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai của cá nhân, cơ quan, đơn vị tổ chức đứng ra mai táng cho đối tượng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định hỗ trợ chi phí mai táng. Tổ chức thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ theo quy định;

b) Trường hợp thực hiện liên thông điện tử nhóm thủ tục hành chính đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất thì thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 301/2026/NĐ-CP.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

Điều 6. Kinh phí và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội⁵

1. Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ cấp hưu trí xã hội và kinh phí thực hiện chi trả chính sách; tuyên truyền, xét duyệt đối tượng; ứng dụng công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ và kiểm tra, giám sát được thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội

a) Chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội phải được chi trả kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng. Ưu tiên thực hiện chi trả chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tài khoản ngân hàng, tài khoản an sinh xã hội;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ chi trả chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại điểm u khoản 4 Điều 84 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội phải đáp ứng tiêu chí, điều kiện lựa chọn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội theo quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 85 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

c) Việc chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả được lập thành hợp đồng giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức dịch vụ chi trả. Hợp đồng ghi rõ phạm vi, đối tượng, phương thức thực hiện (chi trả qua tài khoản ngân hàng, tài khoản thanh toán điện tử hoặc chi trả trực tiếp cho người thụ hưởng), thời gian, địa điểm, mức chi phí chi trả; thời gian thanh quyết toán, quyền và trách nhiệm của các bên và các thỏa thuận khác có liên quan đến việc chi trả;

d) Trước ngày 25 hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ danh sách đối tượng thụ hưởng (bao gồm đối tượng tăng, giảm; đối tượng hưởng một lần); số kinh phí chi trả tháng sau (bao gồm cả tiền truy lĩnh và chi phí mai táng); số kinh phí chưa chi trả các tháng trước (nếu có) thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước và chuyển vào tài khoản tiền gửi của tổ chức dịch vụ chi trả; đồng thời chuyển danh sách chi trả để tổ chức dịch vụ chi trả cho đối tượng thụ hưởng tháng sau. Trong thời gian chi trả, Ủy ban nhân dân cấp xã cử người giám sát việc chi trả của tổ chức dịch vụ chi trả;

đ) Hằng tháng, tổ chức dịch vụ chi trả tổng hợp danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả, đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng sau, số kinh phí còn lại chưa chi trả và chuyển chứng từ (danh sách đã ký nhận và chứng từ chuyển khoản ngân hàng) cho Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 20 hằng tháng để tổng hợp kinh phí chi trả theo quy định.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều này.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp⁶

1. Đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ danh sách, hồ sơ của đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng xem xét quyết định chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định này. Đối tượng không phải làm văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành⁷

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶ Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026 quy định như sau:

“2. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hưu trí xã hội hoặc hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng hưu trí xã hội đã được tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành quyết định thì tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục xét duyệt và quyết định theo quy định tại Nghị định số 176/2025/NĐ-CP. Đối tượng không phải nộp lại hồ sơ hoặc làm lại các giấy tờ theo quy định tại Nghị định này.”

⁷ Điều 32 của Nghị định số 335/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Đối tượng đang hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội thì được chuyển sang mức tương ứng quy định tại Nghị định này từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát danh sách đối tượng đang hưởng chính sách và quyết định chi trả theo mức tương ứng quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

5. Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội tổ chức thực hiện chế độ, chính sách chăm sóc, nuôi dưỡng theo mức quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.”

2. Điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực./.

BỘ Y TẾ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để biết);
- Văn phòng Bộ (để đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BTXH

Đỗ Xuân Tuyên

PHỤ LỤC⁸

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP XÃ HỘI, TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI

Đối tượng thực hiện khai thông tin liên quan (nếu có) như sau:

- ☐ Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng khai mục I, mục II (1.1; 1.5) và mục III
- ☐ Người từ đủ 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang đi học khai mục I, mục II 1.2
- ☐ Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nuôi con khai mục I.1, mục II. (1.3) và mục III
- ☐ Người khuyết tật khai mục I, mục II. (1.3; 1.4; 1.5) và mục III
- ☐ Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo khai mục I, mục II.1.6 và mục III
- ☐ Trẻ em, người nhiễm HIV/AIDS khai mục I, mục II.1.7 và mục III
- ☐ Người cao tuổi đề nghị hưởng trợ cấp xã hội khai mục I, mục II (1.3, 1.4, 1.5) và mục III
- ☐ Người cao tuổi đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khai mục I, mục II.2 và mục III.

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã (phường, đặc khu)

I. Thông tin chung

1. Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội

1.1. Họ và tên:

Số căn cước/Số định danh cá nhân:....., ngày cấp/...../.....

Nơi cấp:

Ngày sinh:/...../..... Giới tính:Dân tộc:

1.2. Nơi cư trú:

1.3. Nơi ở hiện nay (*Ghi cụ thể*):

1.4. Số điện thoại:.....

1.5. Thẻ BHYT: ☐ Không ☐ Có

Số thẻ BHYT:

1.6. Chính sách đang hưởng hằng tháng (*nếu có*):

☐ Lương hưu (*Mức.....đồng/tháng. Hưởng từ tháng..... /.....*)

☐ Trợ cấp BHXH (*Mức.....đồng/tháng. Hưởng từ tháng..... /.....*)

☐ Trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội (*Mức.....đồng/tháng. Hưởng từ tháng..... /.....*)

⁸ Phụ lục được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026

☐ Trợ cấp ưu đãi người có công (Mức.....đồng/tháng. Hưởng từ tháng...../.....)

☐ Trợ cấp, phụ cấp khác (Ghi cụ thể chính sách:.....
Mức.....đồng/tháng. Hưởng từ tháng...../.....)

2. Thông tin người giám hộ

2.1. Họ và tên:

Số căn cước/Số định danh cá nhân:ngày cấp/...../.....

Nơi cấp:

Ngày sinh:/...../..... Giới tính: Dân tộc:

2.2. Nơi cư trú:

2.3. Nơi ở hiện nay (Ghi cụ thể):

2.4. Số điện thoại:.....

2.5. Mối quan hệ với người đề nghị hưởng chính sách:

II. Thông tin đề nghị hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội

1. Thông tin đề nghị hưởng trợ cấp xã hội

1.1. Trẻ em dưới 16 tuổi:

a) Trẻ bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi ☐

b) Trẻ em dưới 16 không có nguồn nuôi dưỡng nhưng có cha mẹ thuộc một trong các trường hợp sau:

b1) Thông tin của cha:

- Họ và tên:

Số căn cước/Số định danh cá nhân:ngày cấp/...../.....

Nơi cấp:

- Ngày sinh: / / Giới tính: Dân tộc:

- Nơi cư trú:

- Nơi ở hiện nay (Ghi cụ thể):

- Tình trạng hiện nay:

☐ Đã chết

☐ Không xác định được;

☐ Bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật

☐ Đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội

☐ Đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam

☐ Đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc

b2) Thông tin của mẹ

Họ và tên:

- Số căn cước/Số định danh cá nhân:.....ngày cấp/...../.....

Nơi cấp:

- Ngày sinh: / / Giới tính: Dân tộc:

- Nơi cư trú:

- Nơi ở hiện nay (*Ghi cụ thể*):

- Tình trạng hiện nay:

☐ Đã chết

☐ Không xác định được

☐ Bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật

☐ Đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội

☐ Đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam

☐ Đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc

1.2. Người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học vẫn bằng thứ nhất nếu quá trình học liên tục không bị gián đoạn (trừ trường hợp được tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập theo quy định của pháp luật về giáo dục).

Thông tin trường, lớp (Ghi cụ thể):

.....

.....

1.3. Người đơn thân đang nuôi con:

a) Thuộc diện: ☐ Hộ nghèo

☐ Hộ cận nghèo

b) Tình trạng hiện nay:

b1) Tình trạng hôn nhân:

☐ Chưa có thông tin

☐ Chưa kết hôn

☐ Đang có vợ/chồng

☐ Đã ly hôn hoặc đã goá vợ/chồng

☐ Có chồng/vợ mất tích theo quy định

Tổng số con đang nuôi:....., trong đó:

b2) Thông tin về con dưới 16 tuổi:

STT	Họ và tên	CCCD/Mã định danh	Ngày sinh
1			
2			
...			

b3) Thông tin về con từ đủ 16 tuổi đang học giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất

STT	Họ và tên	CCCD/Mã định danh	Ngày sinh	Trường, lớp (Ghi cụ thể)
1				
2				
...				

1.4. Người cao tuổi:

a) Thuộc diện: ☐ Hộ nghèo ☐ Hộ cận nghèo

b) Thông tin về người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (gồm: vợ/chồng, con, cháu của người cao tuổi và những người khác có nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.....):

☐ Không

☐ Có (Người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: ☐ Không ☐ Có)

1.5. Người khuyết tật

a) Mức độ khuyết tật: ☐ Nhẹ ☐ Nặng ☐ Đặc biệt nặng

b) Dạng tật: ☐ Khuyết tật vận động ☐ Khuyết tật thần kinh, tâm thần

☐ Khuyết tật nghe, nói ☐ Khuyết tật trí tuệ

☐ Khuyết tật nhìn ☐ Khuyết tật khác (Ghi cụ thể:.....)

Giấy xác nhận khuyết tật số ; Ngày cấp/...../.....;
Nơi cấp

1.6. Trẻ em dưới 03 tuổi (Không thuộc nhóm trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ em khuyết tật)

☐ Đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn

1.7. Trẻ em, người nhiễm HIV/AIDS:

- Thuộc diện: ☐ Hộ nghèo ☐ Hộ cận nghèo

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng (Nếu là trẻ em thì không khai mục này): ☐ Không ☐ Có

2. Thông tin đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

☐ Người từ đủ 75 tuổi trở lên và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định

☐ Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định

III. Phương thức nhận kinh phí trợ cấp

1. Thông tin người nhận (là người hưởng trợ cấp hoặc người nhận thay)

Họ và tên:

- Số căn cước/Số định danh cá nhân:.....ngày cấp/...../.....

Nơi cấp:

- Ngày sinh: / / Giới tính: Dân tộc:

- Nơi cư trú:

- Nơi ở hiện nay (*Ghi cụ thể*):

2. Hình thức nhận

a) Tiền mặt ☐

b) Tài khoản ngân hàng ☐

Số tài khoản ngân hàng:.....

Tên chủ tài khoản:.....

Tại ngân hàng:

c) Ví điện tử ☐

Số ví:.....

Tên chủ ví:.....

Tên loại ví điện tử

Tôi xin cam đoan những thông tin khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

NGƯỜI TIẾP NHẬN TỜ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với trường hợp đối tượng gửi hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: Các thông tin trong tờ khai đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, hệ thống thông tin có liên quan, được Phần mềm dịch vụ công liên thông điện tử động (thông tin liên quan tới ngày sinh, nơi cư trú của đối tượng). Các thông tin không có dữ liệu thì khai thông tin đầy đủ trong Tờ khai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường, đặc khu)⁹.....

1. Thông tin người đề nghị

Họ và tên :

Số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....ngày cấp/...../.....

Nơi cấp:

Nơi cư trú:

Nội dung đề nghị:.....

2. Thông tin người chết được tổ chức mai táng

Họ và tên:

Ngày sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....ngày cấp/...../.....

Nơi cấp:

Đã chết vào lúc: giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm

Nơi chết:.....

Nguyên nhân chết:.....

Số Giấy báo tử/Giấy tờ thay thế Giấy báo tử: do:

.....cấp ngày..... tháng..... năm

Thuộc đối tượng:

☐ Đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội hoặc đối tượng đã có Tờ khai đề nghị hưởng chế độ, chính sách và đủ điều kiện hưởng, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chưa ban hành quyết định trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng.

☐ Con của người đơn thân nghèo đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

☐ Người từ đủ 75 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp hằng tháng khác.

⁹ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của đối tượng (đối với đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng) hoặc nơi đối tượng chết, nơi tổ chức mai táng cho đối tượng (đối với trường hợp trợ giúp khẩn cấp).

☐ Người từ đủ 70 đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hằng tháng.

☐ Người chết trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông,...).

Quyết định hưởng trợ cấp số:; ngày tháng năm của

3. Người, tổ chức nhận hỗ trợ chi phí mai táng

3.1. Trường hợp cá nhân, thân nhân đứng ra tổ chức mai táng:

Họ và tên:

Ngày sinh: Nam/Nữ:

Số căn cước hoặc số định danh cá nhân: ngày cấp/...../.....

Nơi cấp:

Địa chỉ nơi cư trú:

Mối quan hệ với người chết:

Số điện thoại:

3.2. Trường hợp cơ quan, tổ chức đứng ra tổ chức mai táng:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Số điện thoại:

4. Hình thức nhận chi phí hỗ trợ mai táng:

☐ Tài khoản ngân hàng:

Tên chủ tài khoản:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

☐ Ví điện tử

Số ví:

Tên chủ ví:

Tên loại ví điện tử:

☐ Tiền mặt

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai của mình.

...., ngày tháng năm ...
NGƯỜI TIẾP NHẬN TỜ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm ...
NGƯỜI KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối với trường hợp đối tượng gửi hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia: Các thông tin trong tờ khai đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, hệ thống thông tin có liên quan, được Phần mềm dịch vụ công liên thông điền tự động (thông tin liên quan tới ngày sinh, nơi cư trú của đối tượng). Các thông tin không có dữ liệu thì khai thông tin đầy đủ trong Tờ khai.